



TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THU HỒI ĐẤT VÙNG NÔNG THÔN ĐẾN THU NHẬP NGƯỜI DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH - THÀNH PHỐ CẦN THƠ: TRƯỜNG HỢP DỰ ÁN KHU DÂN CƯ VƯỢT LỬ THẠNH MỸ

Lê Thanh Sơn¹ và Trần Tiến Khai²

¹Trường Đại học Cần Thơ

²Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh

Thông tin chung:

Ngày nhận: 12/08/2015

Ngày chấp nhận: 29/02/2016

Title:

Impacts of land acquisition in rural zones on household incomes in Vinh Thanh district, Can Tho City - Case of Thanh My flood-prone residential project

Từ khóa:

Sinh kế, thu nhập, thu hồi đất

Keywords:

Income, land acquisition, livelihood

ABSTRACT

Land acquisition by the government for the purpose of socio-economic development has been the inevitable trend of development towards industrialization and urbanization. In the process, local people being lost production land have switched their careers and livelihoods have also been changed accordingly. Descriptive statistics and double difference methods were used in the study on impacts of land acquisition in rural area on the income of people in the Vinh Thanh district, Can Tho city to describe and quantify the changes in people's livelihoods. The results showed no difference in the income of the people after two years since the government implemented land acquisition.

TÓM TẮT

Việc thu hồi đất của người dân do Chính phủ thực hiện vì mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã và đang là xu thế tất yếu của quá trình phát triển theo hướng công nghiệp hóa và đô thị hóa. Trong quá trình đó, người dân đã bị mất đất sản xuất, phải chuyển đổi nghề nghiệp và sinh kế cũng thay đổi theo. Nhóm tác giả nghiên cứu tác động của việc thu hồi đất vùng nông thôn đến thu nhập người dân tại huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ bằng phương pháp sai biệt kép nhằm mô tả và lượng hoá những thay đổi trong sinh kế của người dân. Kết quả cho thấy không có sự khác biệt về thu nhập của người dân sau hai năm kể từ khi Nhà nước thực hiện việc thu hồi đất.

Trích dẫn: Lê Thanh Sơn và Trần Tiến Khai, 2016. Tác động của việc thu hồi đất vùng nông thôn đến thu nhập người dân huyện Vĩnh Thạnh - thành phố Cần Thơ: Trường hợp dự án khu dân cư vượt lũ Thạnh Mỹ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 42d: 66-77.

1 GIỚI THIỆU

Việt Nam đang trong quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa diễn ra nhanh chóng trong hai thập niên qua. Kết quả của quá trình này là Chính phủ đã thu hồi một lượng lớn đất ở khu vực nông thôn để phục vụ cho sự phát triển của các khu công

ngiệp, cơ sở hạ tầng, khu dân cư và các mục đích công cộng khác. Trong giai đoạn 2001-2010, đã có gần một triệu ha đất nông nghiệp (chiếm khoảng 10% tổng diện tích đất nông nghiệp của cả nước) được Nhà nước thu hồi và chuyển sang mục đích sử dụng phi nông nghiệp (Ngân hàng thế giới, 2011).

Tại Cần Thơ, hằng năm có hàng trăm dự án đầu tư với tổng diện tích thu hồi đến hàng ngàn hecta và hàng chục ngàn hộ gia đình bị ảnh hưởng cần phải di dời, tái định cư và thay đổi nghề nghiệp (Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Cần Thơ, 2013). Trong khi đó, nông nghiệp là nghề chính cho những hộ nông dân nghèo (World Bank, 2013). Vì vậy, việc Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp có ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống của các hộ gia đình sống bằng nghề nông.

Huyện Vĩnh Thạnh là huyện xa nhất, cách trung tâm thành phố Cần Thơ 70 km về phía Bắc, có diện tích tự nhiên là 29.759 ha, trong đó đất nông nghiệp là 27.045 ha, chiếm 91% diện tích toàn huyện. Dân số là 115.330 người với 27.186 hộ, trong đó hơn 80 ngàn người dựa vào sinh kế nông nghiệp chiếm 69,5% dân số toàn huyện. Bình quân, mỗi người dân ở Vĩnh Thạnh có 2.377m² đất, tương đương một hecta đất nông nghiệp cho một gia đình (Cục Thống kê thành phố Cần Thơ, 2013). Là huyện thuần nông, toàn huyện chỉ có 70 doanh nghiệp chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực mua bán vật tư kỹ thuật nông nghiệp, xay xát lúa gạo và phân phối nhu yếu phẩm. Thu nhập bình quân đầu người của người dân tính theo giá năm 2000 là 1,8 triệu đồng vào năm 2011 và 2,1 triệu đồng trong năm 2013 (Phòng Thống kê huyện Vĩnh Thạnh, 2013).

Dự án khu dân cư vượt lũ Thạnh Mỹ được Nhà nước xây dựng trên ấp Qui Lân 5¹, xã Thạnh Quới, huyện Vĩnh Thạnh để tái định cư cho những hộ dân sống trong vùng ngập lũ. Dự án thu hồi chủ yếu là đất nông nghiệp, đất trồng cây lâu năm và thổ cư nông thôn của 139 hộ với tổng diện tích thu hồi là

76.000 m², mức giá bồi thường và hỗ trợ cho các hộ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương đương với giá đất hiện hành tại địa phương. Đối với các hộ chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được hỗ trợ di dời chỗ ở. Mức độ thu hồi đất trung bình là 12,3% trên tổng diện tích đất của hộ gia đình.

Các hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp hoặc đất ở có thể ảnh hưởng đến nghề nghiệp, việc làm và thu nhập, chi tiêu do bị mất tư liệu sản xuất hoặc phải di chuyển chỗ ở. Vì vậy, mục đích chính của nghiên cứu này là đánh giá tác động của việc thu hồi đất ở vùng nông thôn đến thu nhập của hộ dân như thế nào và tìm hiểu những nguyên nhân dẫn đến khác biệt về kết quả sinh kế.

2 CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Cơ sở lý thuyết và phân tích

Sinh kế bao gồm các khả năng, tài sản và các hoạt động cần thiết để đảm bảo cuộc sống của con người. Từ giữa thập niên 1980, Robert Chambers đã đưa ra cách tiếp cận sinh kế và sau đó được Chambers, Conway và nhiều học giả khác nghiên cứu, phát triển. Đến nay, các tổ chức quốc tế như CARE, DFID, IFAD, OXFAM và UNDP đã phát triển khung phân tích theo tính đặc thù của mỗi tổ chức để áp dụng trong thực hiện và đánh giá các dự án phát triển của họ trên toàn thế giới. Sinh kế được xem là bền vững khi nó có thể ứng phó và phục hồi những cú sốc và duy trì hoặc nâng cao năng lực và tài sản của mình trong hiện tại và tương lai, trong khi không phá hoại tài nguyên thiên nhiên (Chamber và R.Conway, 1991; Carney, 2002).

Khung phân tích sinh kế của DFID nhấn mạnh tầm quan trọng của các tài sản sinh kế: vốn xã hội, vốn con người, vốn vật chất, vốn tự nhiên và vốn tài chính. Các tài sản này kết hợp trong nhiều cách khác nhau để tạo ra những kết quả sinh kế tích cực. (1) **Vốn con người** bao gồm các kỹ năng, kiến thức, khả năng lao động và sức khỏe. Các yếu tố này kết hợp với nhau, quyết định chiến lược sinh kế và khả năng đạt được mục tiêu sinh kế của hộ gia đình (DFID, 1999). (2) **Vốn xã hội** là tất cả nguồn lực xã hội mà có thể giúp con người kiếm sống được (Ellis, 1999). Như vậy, vốn xã hội có thể hiểu là: mạng lưới mối quan hệ mà con người có thể làm tăng sự tin cậy lẫn nhau, cơ hội việc làm hay sự biết đến các cơ quan, tổ chức một cách rộng rãi hơn. Việc tham gia các tổ chức xã hội nghề nghiệp và có mối quan hệ rộng giúp các cá nhân dễ

¹ Theo lời kể của ông Nguyễn Văn Trường, 60 tuổi: Ấp Qui Lân 5, xã Thạnh Quới trước đây là đất hoang, sen mọc rất nhiều nên được gọi là Láng Sen. Trong giai đoạn 1954-1963, di dân từ miền Bắc đến định cư và canh tác lúa dựa trên hệ thống kênh thủy lợi được chính quyền xây dựng. Mỗi hộ gia đình được cấp 2.000 m² đất ở. Nhà của các hộ dân được cất dọc theo các tuyến kênh, hình thành khu dân cư tập trung, ruộng lúa canh tác giáp với khu dân cư tập trung. Sau giai đoạn vào các Tập đoàn sản xuất nông nghiệp không hiệu quả, Nhà nước chia đất ruộng về cho các hộ gia đình theo chỉ tiêu một lao động chính được 3 công đất (3.000 m²), trẻ em và người già được 1,5 công trên đầu người. Nhưng do năng suất rất thấp cùng với rủi ro thiên tai hoặc bệnh tật, các hộ kém may mắn đã dần dần bán đất và đi làm thuê, tạo nên tích tụ đất tự nhiên và phân hóa rất lớn, có những hộ gia đình có rất nhiều đất và có hộ không còn đất sản xuất, chuyên sống bằng nghề làm thuê nông nghiệp cho các hộ có đất.

dàng tiếp nhận thông tin mới, tăng độ tin cậy và hiểu biết lẫn nhau cũng như giảm chi phí giao dịch (DFID, 1999). (3) **Vốn tự nhiên** là cụm từ để chỉ các nguồn lực tự nhiên sẵn có mà con người có thể khai thác và sử dụng nó. Có một sự khác biệt lớn trong các nguồn lực tạo nên nguồn vốn tự nhiên, từ hàng hóa công cộng vô hình như không khí và đa dạng sinh học đến các tài sản có thể sử dụng trực tiếp cho sản xuất như cây cối, đất đai, sông, suối, ao hồ... (DFID, 1999). Ở các nước đang phát triển, nông nghiệp là nghề chính cho những hộ nông dân nghèo (World Bank, 2013). Vì vậy, nếu không có hoặc có đất nông nghiệp sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống của các hộ gia đình sống bằng nghề nông. (4) **Vốn vật chất** bao gồm tài sản mà con người tạo ra như sự sẵn có của cơ sở hạ tầng, chẳng hạn như mạng lưới đường bộ, điện, trạm xá và bệnh viện, trường học, điện, và thị trường (DFID, 1999). (5) **Vốn tài chính** tức là nguồn tiền mà hộ gia đình có thể dùng để tạo ra thu nhập cho gia đình của họ. Nguồn vốn có thể có từ việc hộ gia đình đã tích lũy qua nhiều năm dưới dạng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, trái phiếu, cổ phiếu hoặc bằng vàng. Vốn tài chính có thể cũng là dòng tiền thu nhập đều đặn trong tương lai như trợ cấp của Chính phủ, người thân cho, tặng... (DFID, 1999).

Trong năm nguồn vốn này, đất đai (*vốn tự nhiên*) được xem một tài sản tự nhiên rất quan trọng đối với sinh kế ở khu vực nông thôn. Quyền sử dụng đất đai đóng một vị trí quan trọng và tạo cơ sở để người nông dân tiếp cận, sử dụng các loại tài sản khác và những sự lựa chọn sinh kế thay thế (Hanstad và *ctv.*, 2004).

Trong nghiên cứu trường hợp của vùng ven đô Hà Nội, nơi mà 2/3 diện tích đất được thu hồi để xây dựng hạ tầng và khu đô thị mới, Nguyen (2009) đã minh chứng rằng nhiều hộ gia đình đã có lợi ích khi họ ở gần các trung tâm đô thị và các trường đại học do thu nhập kiếm được từ việc cho thuê nhà cho sinh viên và công nhân trở thành nguồn thu nhập chính của các hộ gia đình. Tuy nhiên, một số hộ gia đình khác chỉ có thu nhập tạm bợ vì họ không có nhà cho thuê và nhiều hộ khác trở nên thất nghiệp, đặc biệt là người già và học vấn thấp. Nghiên cứu của ADB ở một số tỉnh của Việt Nam cho thấy khoảng 2/3 những hộ bị mất đất có lợi ích từ việc làm mới và cơ sở hạ tầng tại địa phương được cải thiện, với 1/3 hộ gia đình còn lại, việc mất đất nông nghiệp có tác động xấu đến sinh kế của họ, đặc biệt là các hộ gia đình mất toàn bộ đất nông nghiệp, có trình độ học vấn thấp hay không được đào tạo kỹ năng để tìm công việc mới (Asian Development Bank, 2007).

Ngược lại, có nghiên cứu khác cũng tại vùng ven đô Hà Nội cho thấy việc mất đất sản xuất nông nghiệp không có tác động tiêu cực đến người dân mà ngược lại là người dân có cuộc sống tốt hơn, thu nhập cao hơn nhờ đa dạng hóa nguồn thu nhập và chuyển đổi nghề nghiệp (Tran và *ctv.*, 2013).

Hộ gia đình mất đất đã có sự thích ứng về sinh kế và sự khác biệt về xã hội. Bằng chứng đã được tìm thấy ở một số xã của tỉnh Hưng Yên, nơi có 70% đất nông nghiệp bị thu hồi cho việc chuyển đổi thành các khu công nghiệp trong giai đoạn 2001-2006. Các hộ gia đình đã đa dạng các hoạt động để đưa ra chiến lược sinh kế phù hợp. Trong số các hộ gia đình mất đất, những hộ gia đình với nền tảng làm nghề nông trước khi bị mất đất thường có xu thế bị bất lợi trong các hoạt động có thu nhập cao. Nghiên cứu này kết luận rằng sự khác biệt trong thu nhập với sự khác nhau về chiến lược sinh kế là một trong những nguyên nhân làm tăng sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội (Nguyen và *ctv.*, 2011).

Như vậy, bên cạnh yếu tố đất đai, thu nhập của hộ gia đình còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như vốn, trình độ học vấn, kinh nghiệm, số lao động, khả năng đa dạng hoá thu nhập, cơ hội tiếp cận thị trường (Abdulai and CroleRees, 2001; Ijaiya và *ctv.*, 2009; Mai Văn Nam, 2008; Lê Khương Ninh, 2014; Minot và *ctv.*, 2006; Tran Quang Tuyen and Lim, 2011; Nguyen và *ctv.*, 2011).

2.2 Phương pháp nghiên cứu

2.2.1 Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu sơ cấp

Nhóm tác giả dựa trên bảng hỏi Điều tra mức sống hộ gia đình (VHLSS) của Tổng cục Thống kê để thiết kế bảng hỏi phỏng vấn hộ gia đình nhằm thu thập thông tin định lượng về: 1) đặc điểm của hộ gia đình; 2) năm nhóm tài sản sinh kế: vốn con người, vốn xã hội, vốn tự nhiên, vốn vật chất và vốn tài chính; 3) thu nhập; và 4) chi tiêu. Cỡ mẫu bao gồm 112 hộ gia đình, trong đó có toàn bộ 59 hộ dân bị thu hồi đất trong khuôn khổ giai đoạn 1 dự án khu dân cư vượt lũ Thạnh Mỹ và 53 hộ dân không bị thu hồi đất cư trú dọc theo ba tuyến kênh bao quanh 59 hộ bị thu hồi đất. Phương pháp chọn mẫu hệ thống với bước nhảy bằng năm được áp dụng khi chọn hộ không bị thu hồi đất.

Việc chọn mẫu điều tra được tiến hành vào tháng 12/2013 và dữ liệu được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp với chủ hộ hoặc lao động chính trong gia đình. Trong giai đoạn phỏng vấn đầu tiên

có một số hộ gia đình từ chối trả lời phỏng vấn nhưng sau một tháng tiếp cận và nhiều lần trao đổi, tất cả 112 mẫu đã được thu thập thông tin đầy đủ.

Dữ liệu thứ cấp

Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các tài liệu thống kê của huyện, thành phố, tổng cục thống kê và các báo cáo của chính quyền các cấp.

2.2.2 Phương pháp phân tích dữ liệu

Phương pháp thống kê mô tả để phân tích tổng quan về mẫu nghiên cứu, tập trung làm rõ sự khác biệt giữa hai nhóm hộ gia đình bị thu hồi và không bị thu hồi đất. Kế tiếp các hộ gia đình được phân chia thành ba nhóm thu nhập thấp, thu nhập trung bình, thu nhập cao của năm bị thu hồi đất (2011) để xem xét sự khác biệt giữa các nhóm trong việc ứng phó với tác động thu hồi đất, sự lựa chọn nghề nghiệp và thu nhập, chỉ tiêu (sau khi đã loại trừ lạm phát) sau hai năm bị thu hồi đất (2013). Phương pháp phân tích phương sai (ANOVA) được áp dụng khi so sánh ba nhóm hộ này.

Chỉ số Simpson (Simpson Index of Diversity - SID) về đa dạng hóa được sử dụng để đo lường mức độ đa dạng hóa thu nhập của nông hộ. Công thức có dạng như sau:

$$SID = 1 - \sum_i^n P_i^2$$

Trong đó: P_i là tỷ trọng của nguồn thu nhập thứ i và n là số nguồn thu nhập

Chỉ số SID dao động từ 0 đến 1. Nếu như hộ gia đình chỉ tham gia một nghề, $P_1=1$, thì $SID=0$. Ngược lại, nếu số hoạt động tạo ra nguồn thu nhập

tăng thì tỷ trọng P_i sẽ giảm xuống và khi đó chỉ số SID sẽ tiến về 1.

Để đánh giá tác động của việc thu hồi đất đến thu nhập của hộ gia đình có thể áp dụng năm phương pháp định lượng cơ bản là: 1) Chọn mẫu ngẫu nhiên (Randomization); 2) So sánh điểm xu hướng (PSM-Propensity Score Matching); 3) Sai biệt kép (Double Difference); 4) Tính toán biến công cụ (Instrumental Variable Estimation); và (5) Phương pháp gián đoạn hồi quy và tuần tự (Regression Discontinuity and Pipeline Methods).

Phương pháp sai biệt kép (còn gọi là khác biệt trong khác biệt – DD hay DID) được áp dụng để đánh giá tác động của yếu tố gây ra sự thay đổi giữa hai thời điểm trước và sau khi có tác động xảy ra so với trường hợp không có tác động của yếu tố (Khandker và *ctv.*, 2010). Việc nghiên cứu được thực hiện vào tháng 11/2013. Các thông tin của hộ gia đình trước khi bị thu hồi đất (2011) và hai năm sau khi bị thu hồi đất (2013) đều được thu thập, vì vậy phương pháp DD được sử dụng để đánh giá tác động của dự án.

Phương pháp DD so sánh nhóm bị thu hồi đất và nhóm không bị thu hồi đất dựa trên những khác biệt trong kết quả tương ứng với tình trạng ban đầu. Đặt $t=0$ là thời điểm chưa bị thu hồi đất, $t=1$ là thời điểm đã bị thu hồi đất sau hai năm; $D=0$ là nhóm hộ gia đình không bị thu hồi đất, $D=1$ là nhóm hộ gia đình bị thu hồi đất, cho Y_t^T và Y_t^C là kết quả (thu nhập, chỉ tiêu) tương ứng với các hộ gia đình bị thu hồi đất và không bị thu hồi đất trong thời gian $t=t_1-t_0$ (hai năm), phương pháp DD sẽ cho phép tính toán tác động của việc thu hồi đất bình quân như sau:

Bảng 1: Phương pháp khác biệt trong khác biệt

	Thu nhập/Chỉ tiêu bình quân đầu người (Y_{it})		
	Năm 2011	Năm 2013	Khác biệt
Nhóm đối chứng	β_0	$\beta_0 + \beta_1$	β_1
Nhóm bị thu hồi đất	$\beta_0 + \beta_2$	$\beta_0 + \beta_1 + \beta_2 + \beta_3$	$\beta_1 + \beta_3$
Khác biệt trong khác biệt			β_3

$$DD = E(Y_1^T - Y_0^T | T_1 = 1) - E(Y_1^C - Y_0^C | T_1 = 0)$$

$T = 1$: Hộ khảo sát năm 2013 (sau khi bị thu hồi đất)
 $T = 0$: Hộ khảo sát năm 2011 (trước khi bị thu hồi đất)

Để tính được DD trong mô hình kinh tế lượng, phương trình tính toán sẽ có dạng như sau:

$$Y_{it} = \beta_0 + \beta_1 T + \beta_2 D + \beta_3 D * T + \beta_4 Z_{it} + \epsilon_{it}$$

$D = 1$: Hộ khảo sát thuộc nhóm bị thu hồi đất

$D = 0$: Hộ khảo sát thuộc nhóm đối chứng

Trong đó:

Z_{it} : Là các biến kiểm soát bao gồm nhóm biến phân ánh 05 nhóm tài sản sinh kế của hộ gia đình.

Y_{it} : Là chỉ tiêu phản ánh thu nhập (hoặc chi tiêu) của hộ i tại thời điểm t

Mô hình phân tích sử dụng các biến được mô tả trong Bảng 2. Việc chọn lựa các biến giải thích chủ yếu được dựa trên các tài sản sinh kế. Hộ gia đình có tài sản sinh kế càng phong phú, càng dễ vượt qua các bối cảnh gây ra tổn thương. Vì vậy, hộ gia đình có tỷ lệ phụ thuộc cao khi có tác động bất lợi đối với thu nhập hoặc chi tiêu. Ngược lại, hộ gia đình có học vấn cao sẽ có nhiều kiến thức, hiểu biết, có khả năng tạo ra thu nhập cao và được kỳ vọng có tác động dương đến thu nhập hoặc chi tiêu.

Diện tích đất sản xuất và tài sản là tư liệu sản xuất quan trọng đối với hộ gia đình khu vực nông thôn được kỳ vọng mang dấu dương. Số tiền bồi thường càng lớn thì hộ gia đình càng có điều kiện

phục hồi sinh kế gia đình và gia tăng thu nhập, do đó kỳ vọng mang dấu dương.

Nguồn tín dụng có thể làm gia tăng nguồn vốn cho sản xuất hoặc tạm thời giải quyết khó khăn về tài chính cho gia đình, tác động cũng có thể khác nhau tùy vào mục đích cho đầu tư, sản xuất hay tiêu dùng. Lãi suất vay cũng có thể sẽ khác nhau, thông thường lãi suất tín dụng chính thức sẽ có lãi suất thấp và dùng cho sản xuất nên được kỳ vọng mang dấu dương. Ngược lại, tín dụng phi chính thức được vay với lãi suất cao và vay khi gặp khó khăn, rủi ro bệnh tật nên kỳ vọng mang dấu âm. Hộ gia đình càng đa dạng hóa các nguồn thu nhập SID thì thu nhập càng cao.

Bảng 2: Định nghĩa và đo lường các biến trong mô hình

Ký hiệu biến	Tên biến	Định nghĩa	Đo lường	Kỳ vọng
Biến phụ thuộc				
tnbq_lp	Thu nhập bình quân	Logarit thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình trên tháng	Ngàn đồng	
chitiebq_lp	Chi tiêu bình quân	Logarit chi tiêu bình quân đầu người của hộ gia đình trên tháng	Ngàn đồng	
Biến giải thích				
bithuhoidat	Bị thu hồi đất 2011	Hộ gia đình bị thu hồi đất	Có =1 2013 =1 2011= 0	-
Nam2013	Năm khảo sát	Năm khảo sát hoặc năm gốc		-
Bithuhoidat *nam213	Biến tương tác	Biến tương tác giữa hai nhóm hộ và hai thời điểm		-
Vốn con người				
Quimoho	Qui mô hộ	Tổng số thành viên trong hộ gia đình	Số người	-
tilephuthuoc	Ti lệ phụ thuộc	Tỉ số này được tính bằng tổng số người tàn tật, dưới 15 tuổi, trên 55 tuổi (nữ), trên 60 tuổi (nam) chia cho tổng số thành viên của hộ gia đình	Tỉ lệ phần trăm	-
tuoi chu ho	Tuổi chủ hộ	Tuổi chủ hộ	Số năm	+/-
gioi tinh	Giới tính chủ hộ	Chủ hộ là nam hay nữ	Nam = 1	+/-
hocvan	Học vấn chủ hộ	Số năm đi học của chủ hộ	Số năm	+
Vốn tự nhiên				
dientichdat	Diện tích đất	Tổng diện tích đất của hộ gia đình	1000 m ²	+
Vốn vật chất				
taisan	Tài sản	Tổng giá trị tài sản của hộ gia đình (không tính đất đai)	Triệu đồng	+
Vốn tài chính				
vontaichinh	Vốn tài chính	Tổng số tiền mặt hộ gia đình có (hoặc gửi ngân hàng, vàng bạc đá quý)	Triệu đồng	+
vayct	Tín dụng chính thức	Số tiền mà hộ gia đình vay từ ngân hàng, các tổ chức tín dụng	Triệu đồng	+
vaynong	Tín dụng phi chính thức	Số tiền mà hộ gia đình vay từ tư nhân, người thân, mua trả chậm ở cửa hàng vật tư	Triệu đồng	-
Vốn xã hội				
Tongiao	Có theo đạo	Chủ hộ có theo đạo (Thiên chúa, Phật giáo Hoà Hảo)	Dummy Có=1	+
SID	Đa dạng hóa thu nhập	Hộ có nhiều nguồn thu nhập		+

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Các đặc điểm của mẫu nghiên cứu

Bảng 3 so sánh những đặc điểm cơ bản của nhóm bị và không bị thu hồi đất ở năm 2011. Trung bình, hộ gia đình bị thu hồi đất có 4,2 thành viên, chủ hộ học không quá cấp 1 và học vấn của người cao nhất trong hộ cũng không quá cấp 2,

tổng giá trị tài sản của hộ là 119,5 triệu đồng, vốn tài chính cũng rất thấp: 7,4 triệu đồng, 57,6% hộ có theo đạo Thiên chúa, Phật hoặc Phật giáo Hoà Hảo, thu nhập và chi tiêu bình quân đầu người lần lượt là 1,1 triệu đồng và 0,95 triệu đồng. Không có sự khác biệt giữa các tài sản sinh kế ngoại trừ học vấn chủ hộ, tổng diện tích đất và tỉ lệ tham gia tôn giáo thì sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Bảng 3: So sánh những đặc điểm cơ bản của nhóm bị và không bị thu hồi đất ở năm 2011

Đặc điểm	Nhóm đối chứng		Nhóm bị tác động		Chênh lệch 2011-2013
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	
Quy mô hộ (người/hộ)	4,4	1,6	4,2	1,7	0,2
Học vấn chủ hộ* (số năm đi học)	3,2	3,9	4,6	4,2	(1,4)
Học vấn cao nhất trong hộ	7,8	4,2	8,1	4,9	(0,2)
Diện tích đất (1.000 m ²)***	7,3	9,1	3,1	4,8	4,3
Diện tích đất bị thu hồi (m ²)***	-	-	388,3	811,9	(388,3)
Vốn vật chất (triệu đồng)	112,6	161,8	119,5	218,5	(6,8)
Vốn tài chính (triệu đồng)	8,5	41,7	7,4	41,0	1,1
Tỉ lệ hộ có theo đạo*** (%)	0,830	0,4	0,576	0,5	0,3
Thu nhập bình quân đầu người/tháng (ngàn đồng)	1,068,2	678,5	1.114,5	669,4	(46,3)
Chi tiêu bình quân đầu người/tháng (ngàn đồng)	867,8	374,6	946,8	399,8	(79,0)

Ghi chú: *, **, *** khác biệt có ý nghĩa thống kê ở mức 10%, 5% và 1%

Nguồn: Số liệu điều tra 2013

Bảng 4 cung cấp những thông tin về một số tài sản sinh kế hộ gia đình của những hộ gia đình bị thu hồi đất. Các thông số được so sánh qua hai năm kể từ khi 59 hộ gia đình thuộc ấp Qui Lân 5, xã Thạnh Quới, huyện Vĩnh Thạnh bị thu hồi đất.

Qua hai năm, ta thấy hầu như không có đặc điểm nào của nhóm hộ bị thu hồi đất có sự thay đổi có ý nghĩa thống kê ngoại trừ vốn vật chất tăng 37 triệu đồng. Trung bình mỗi hộ bị thu hồi 388,3 m² đất chỉ chiếm 12,3% diện tích đất trung bình nên không gây ra tác động thay đổi. Độ lệch chuẩn lên đến 811 m², điều đó cho thấy mức độ phân tán của diện tích đất bị thu hồi rất lớn, có nghĩa là có hộ bị thu hồi rất nhiều và cũng có hộ bị thu hồi rất ít.

Việc sử dụng số tiền bồi thường cũng đáng lưu ý. Trung bình, người dân dùng 57% cho tiêu dùng so với chỉ 15% cho đầu tư, sản xuất kinh doanh và 28% cho tiết kiệm trong khi tiền bồi thường là tiền Nhà nước bù đắp cho việc bị thiệt hại do bị thu hồi đất và ảnh hưởng đến công ăn việc làm, lẽ ra số tiền này nên được hộ dân chi cho đầu tư và tiết

kiệm để tăng thu nhập trong tương lai. Có thể do trình độ học vấn thấp và không được đào tạo nghề nên những hộ gia đình này cũng không biết làm gì có lợi ích và hiệu quả lâu dài mà chú trọng vào các chi tiêu tiêu dùng như sửa chữa nhà ở và mua sắm tài sản sinh hoạt là chính. Chỉ có một số ít hộ dùng tiền đền bù để mua đất nông nghiệp ở khu vực khác để tiếp tục canh tác nông nghiệp.

Bảng 5 phân nhóm hộ gia đình theo tổng diện tích đất của hộ theo 3 nhóm: Nhóm một là dưới 100 m², nhóm 2 trong khoảng 100 m² – 2.000 m² và nhóm 3 trên 2.000 m². Kết quả thống kê cho thấy: có đến 24,5% hộ gia đình thuộc nhóm không bị thu hồi đất và 39% đối với nhóm bị thu hồi đất có diện tích đất dưới 100 m². Điều này cho thấy có một tỷ lệ không nhỏ hộ gia đình làm thuê nông nghiệp hoặc tham gia các hoạt động phi nông nghiệp là chính. Có khoảng 60% số hộ gia đình có trên 2.000 m² đất chứng tỏ ngoài phần đất dùng để cất nhà ở, các hộ gia đình còn có thể dùng để trồng trọt hoặc chăn nuôi.

Bảng 4: So sánh các tài sản sinh kế của 59 hộ gia đình trước và sau khi bị thu hồi đất

Đặc điểm	2011		2013		Chênh lệch 2011-2013
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	
Qui mô hộ (người/hộ)	4,2	1,7	4,3	1,7	(0,15)
Học vấn chủ hộ (số năm đi học)	4,6	4,2	4,6	4,2	(0,05)
Diện tích đất (1.000 m ²)	3,1	4,8	2,8	4,7	(0,28)
Vốn vật chất (triệu đồng)	119,5	218,5	153,4	268,1	(33,93)
Vốn tài chính (triệu đồng)	7,4	41,0	25,0	93,7	(17,61)
Vay không chính thức (triệu đồng)	4,9	14,3	2,3	10,7	2,61
Vay chính thức (triệu đồng)**	12,4	26,5	2,7	13,8	9,73**
Diện tích đất bị thu hồi (m ²)***	388,3	811,9	0,0	0,0	388,31***
Tỉ lệ hộ có tham gia tôn giáo (%)	58%	0,65	58%	0,65	0
Thu nhập bình quân đầu người/tháng (ngàn đồng)	1.114,5	669,4	1008,6	580,2	105,88
Chi tiêu bình quân đầu người/tháng (ngàn đồng)	946,8	399,8	871,1	424,2	75,64

Ghi chú: *, **, *** khác biệt có ý nghĩa thống kê ở mức 10%, 5% và 1%

Nguồn: Số liệu điều tra 2013

Bảng 5: Phân nhóm hộ gia đình theo diện tích đất

Diện tích đất hộ gia đình	Năm 2011				Năm 2013			
	Nhóm đối chứng		Nhóm bị thu hồi đất		Nhóm đối chứng		Nhóm bị thu hồi đất	
	Số lượng	(%)	Số lượng	(%)	Số lượng	(%)	Số lượng	(%)
Dưới 100 m ²	13	24,5	23	39,0	13	24,5	39	66,1
100 m ² – 2.000 m ²	8	15,1	14	23,7	8	15,1	2	3,4
Trên 2.000 m ²	32	60,4	22	37,3	32	60,4	18	30,5
Tổng	53	100,0	59	100,0	53	100,0	59	100,0

Nguồn: Số liệu điều tra 2013

Bảng 6 cho thấy mối quan hệ giữa diện tích đất của hộ gia đình và nghề tạo ra thu nhập cho hộ. Hộ có ít đất thường có nguồn thu chính từ việc làm thuê. Hộ có nhiều đất có nguồn thu chính từ sản xuất nông nghiệp. Hộ kinh doanh và làm công

chức không có sự khác biệt lớn ở diện tích đất của hộ. Kết quả thống kê Pearson Chi-Square xác nhận quan hệ giữa nghề nghiệp và mức độ sử dụng đất nông nghiệp.

Bảng 6: Diện tích đất và nghề có tỷ trọng thu nhập cao nhất của hộ

Nghề có tỷ trọng thu nhập cao nhất	Dưới 100 m ²		100 – 2.000 m ²		Trên 2.000 m ²		Tổng	
	Số lượng	(%)	Số lượng	(%)	Số lượng	(%)	Số lượng	(%)
Nông nghiệp	1	2,8	0	0,0	32	59,3	33	29,5
Kinh doanh	4	11,1	4	18,2	7	13,0	15	13,4
Làm thuê	28	77,8	14	63,6	8	14,8	50	44,6
Công nhân, viên chức	2	5,6	1	4,5	6	11,1	9	8,0
Khác	1	2,8	3	13,6	1	1,9	5	4,5
Tổng	36	100,0	22	100,0	54	100,0	112	100,0

Pearson Chi-Square = 59,8; P_value = 0.000

Nguồn: Số liệu điều tra 2013

Bảng 7 cho biết mức độ đa dạng hóa các nghề tạo ra thu nhập của hộ gia đình. Hộ gia đình có duy nhất một nghề (SID=0) có mức thu nhập bình quân là 871,3 ngàn đồng/người/tháng. Số hộ với hai nguồn thu nhập có mức thu nhập bình quân là

1.288,9 ngàn đồng/người/tháng và chỉ số SID bình quân là 0,43. Các nông hộ với ba nguồn thu nhập (SID=0,57) có thu nhập bình quân là 2.012,6 ngàn đồng/người/tháng. Như vậy, nông hộ càng đa dạng hóa ngành nghề thu nhập thì thu nhập có xu hướng tăng.

Bảng 7: Đa dạng hóa nguồn thu nhập của hộ gia đình

Số nghề	SID	Thu nhập bình quân
1	0	871,3
2	0,43	1.288,9
3	0,57	2.012,6

Nguồn: Số liệu điều tra 2013

Xem xét cơ cấu nghề nghiệp qua 2 năm (Bảng 8) cho thấy hầu như không có sự dịch chuyển. Có 45,8% hộ gia đình nhóm bị thu hồi đất và 37,7% hộ gia đình nhóm đối chứng vẫn là làm thuê cho các hộ gia đình khác. Các công việc của nhóm làm thuê phổ biến là làm thuê nông nghiệp, thợ xây dựng, dịch vụ xe ôm,... Công việc giản đơn, lệ thuộc vào người khác và không thường xuyên.

Bảng 8: Sự thay đổi nghề nghiệp qua 2 năm

Nghề có tỷ trọng thu nhập cao nhất	Nhóm đối chứng				Nhóm bị thu hồi đất			
	Năm 2011		Năm 2013		Năm 2011		Năm 2013	
	Số lượng	(%)	Số lượng	(%)	Số lượng	(%)	Số lượng	(%)
Nông nghiệp	22	41,5	23	43,4	11	18,6	10	16,9
Kinh doanh	3	5,7	2	3,8	12	20,3	10	16,9
Làm thuê	22	41,5	20	37,7	28	47,5	27	45,8
Công nhân, viên chức	3	5,7	4	7,5	6	10,2	9	15,3
Khác	3	5,7	4	7,5	2	3,4	3	5,1
Tổng	53	100,0	53	100,0	59	100,0	59	100,0

Nguồn: Số liệu điều tra 2013

Không giống như các nghiên cứu khác có sự dịch chuyển việc làm từ nông nghiệp, làm thuê đến làm việc trong khu vực nhà máy, xí nghiệp hoặc tự kinh doanh (Nguyễn Hoàng Bảo và Nguyễn Minh Tuấn, 2013; Tuyen, 2014), các hộ gia đình ở đây có rất ít cơ hội cho sự thay đổi vì huyện Vĩnh Thạnh là huyện thuần nông. Toàn huyện có 70 doanh nghiệp nhưng chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực mua bán vật tư kỹ thuật nông nghiệp, xay xát lúa gạo và phân phối nhu yếu phẩm trong gia đình (Phòng Thống kê huyện Vĩnh Thạnh, 2013). Cơ hội duy nhất cho sự chuyển đổi nghề nghiệp của vùng này là di cư, chủ yếu là đến khu vực kinh tế năng động của phía Nam là tỉnh Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, thu nhập hộ gia

đình vẫn ở mức thấp. Để xem xét sự khác biệt trong thu nhập của hộ gia đình, nghiên cứu chia các hộ gia đình thành ba nhóm có mức thu nhập bình quân đầu người khác nhau: dưới 520 ngàn đồng/tháng (*chuẩn hộ cận nghèo khu vực nông thôn*); từ 520 ngàn đến dưới 1.040 ngàn đồng/tháng; và từ 1.040 ngàn đồng/tháng trở lên.

Bảng 9 cho thấy mặc dù số lượng hộ có thu nhập thấp tăng lên và hộ có thu nhập cao giảm xuống đối với nhóm hộ bị thu hồi đất và ngược lại đối với nhóm đối chứng, tuy nhiên, xu thế này không có ý nghĩa thống kê ở cả hai nhóm đối chứng và nhóm bị thu hồi đất.

Bảng 9: Số lượng hộ gia đình phân theo nhóm thu nhập

	Nhóm đối chứng				Nhóm bị thu hồi đất			
	2011		2013		2011		2013	
	Số lượng	(%)	Số lượng	(%)	Số lượng	(%)	Số lượng	(%)
Nhóm nghèo và cận nghèo (thu nhập dưới 520 ngàn/tháng)	12	22,6	10	18,9	7	11,9	10	16,9
Nhóm có thu nhập từ 520 ngàn đến 1.040 ngàn đồng/tháng	20	37,7	21	39,6	30	50,8	33	55,9
Nhóm có thu nhập cao hơn 1.040 ngàn đồng/tháng	21	39,6	22	41,5	22	37,3	16	27,1
Tổng	53	100,0	53	100,0	59	100,0	59	100,0
Chi-Square Tests	Pearson Chi-Square = 0,29; P value = 0,892				Pearson Chi-Square = 1,62; P value = 0,445			

Nguồn: Số liệu điều tra 2013

Mặc dù vậy, đối với từng hộ gia đình thì rất khác với tổng thể, thông tin trong Hộp 1 cho thấy lý do một số hộ bị giảm thu nhập vì bị thu hồi đất là cú sốc sinh kế rất lớn.

Hộp 1: Lý do các hộ gia đình giảm thu nhập

(1) Hộ gia đình Ông Lê Thanh Sang (VL003) có 3 nhân khẩu, sống bằng nghề chạy xe ôm và vợ bán vé số, có nhà ở trên phần đất là 177 m². Khi Nhà nước thu hồi đất và nhà, ông được bồi thường 145 triệu đồng và được mua nền tái định cư với giá 50 triệu đồng/nền khi khu dân cư xây xong. Cùng lúc đó, con trai ông bị ung thư xương nên đã chạy chữa bệnh và trả nợ hết 120 triệu đồng, cất nhà tạm trên bờ kinh để ở hết 10 triệu đồng. Hiện vợ ông nghỉ bán vé số để nuôi con nên nguồn thu nhập chỉ chờ vào chiếc xe ôm và không còn tiền để mua nền tái định cư.

(2) Gia đình ông Đặng Văn Đông (VL029) có 5 nhân khẩu, sống bằng nghề làm thuê, được Nhà nước bồi thường 100 triệu liền gửi tiết kiệm chờ ngày Nhà nước bán nền tái định cư. Hiện gia đình cất tạm nhà lá trên bờ kinh để chờ ngày ra khu tái định cư. Do di chuyển chỗ ở nên mất môi làm ăn, ít người thuê và thu nhập giảm.

Thông tin từ Hộp 2 cho thấy lý do một số hộ tăng thu nhập, có thể là do hộ gia đình năng động nên biết làm nhiều nghề để tạo nguồn thu cho gia

đình, hoặc đơn giản nhất là có thành viên trưởng thành, tốt nghiệp ra trường tham gia vào thị trường lao động tạo thêm nguồn thu cho gia đình.

Hộp 1: Lý do các hộ gia đình tăng thu nhập

(1) Hộ gia đình ông Trần Phước Giàu có 4 nhân khẩu và 12.500 m² đất, khi Nhà nước thu hồi căn nhà 20 m² và được bồi thường 35 triệu đồng, ông ra ruộng nhà cất nhà rộng hơn để ở. Rút kinh nghiệm làm ruộng nhiều năm không có lời, năm 2013 ông cho thuê ruộng với giá 3 triệu đồng/công/năm x 12,5 = 37,5 triệu. Còn ông chuyển sang nghề mua bán heo thịt. Hiện gia đình có hai nguồn thu ổn định nên cuộc sống khá hơn.

(2) Gia đình Bà Cao Hữu Bum có 4 nhân khẩu, 1.500 m² đất, Nhà nước thu hồi 40 m² và bồi thường là 20 triệu đồng, gia đình dùng để sửa nhà. Đến năm 2013, con trai lớn tốt nghiệp đại học và làm công tác ở xã nên tăng thêm nguồn thu cho gia đình.

(3) Hộ gia đình Bà Nguyễn Thị Ảnh có 4 nhân khẩu, bị thu hồi 100 m² nhà đất, được bồi thường 300 triệu đồng. Sau đó, mua lại 240 m² đất nông nghiệp và cất nhà để ở. Gia đình vẫn bán vải ở chợ Láng Sen như nh g con gái lớn đã ra trường và đi làm, tạo thêm nguồn thu cho gia đình.

Bảng 10: Mối quan hệ của các nhóm thu nhập đến các tài sản sinh kế hộ gia đình bị thu hồi đất

Tài sản sinh kế hộ gia đình	Phân nhóm theo thu nhập			
	Nghèo và cận nghèo	Từ 520 ngàn đến 1.040 ngàn đồng/tháng	Cao hơn 1.040 ngàn đồng/tháng	Chung
Tuổi chủ hộ (tuổi)	54,4	48,3	47,5	48,7
Quy mô hộ (số người)	3,9	4,3	4,2	4,2
Học vấn chủ hộ**	1,6	4,0	6,4	4,6
Tổng diện tích đất (1.000 m ²)**	124,3	2.468,9	4.883,4	3.091,1
Diện tích đất thu hồi (m ²)	120,0	360,2	512,0	388,3
Diện tích đất còn lại*	4,3	2.108,8	4.371,4	2.702,8
Tỉ lệ thu hồi (%)**	96,7	68,8	53,5	66,4
Tổng số tiền bồi thường (triệu đồng)	115,1	142,4	202,5	161,6
Vốn vật chất (triệu đồng)	59,3	88,2	188,5	122,2
Vốn tài chính (triệu đồng)	0	20,3	16,6	16,2
Tỉ lệ dùng tiền bồi thường cho tiêu dùng (%)	92,3	76,2	60,9	72,4
Tỉ lệ theo đạo	70.6%	61.9%	44.7%	57.6%
Thu nhập bình quân đầu người/tháng (1.000 đồng)***	403,5	795,2	1776,1	1114,5
Chi tiêu bình quân đầu người/tháng (1.000 đồng)***	457,1	795,1	1309,3	946,8

Ghi chú: *, **, *** khác biệt có ý nghĩa thống kê ở mức 10%, 5% và 1%

Nguồn: Số liệu điều tra 2013

Xét mối tương quan giữa các nhóm thu nhập với các tài sản sinh kế của hộ gia đình (Bảng 10) ta thấy 6 thành tố/yếu tố thuộc 3 nhóm vốn sinh kế (*con người, tự nhiên và tài chính*) có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Nhóm hộ thu nhập cao có số năm đi học trung bình là 6,4 năm, cao hơn các nhóm còn lại là 4 năm đối với nhóm thu nhập trung bình và 1,6 năm đối với nhóm thu nhập thấp. Diện tích đất canh tác trung bình tăng từ 124 m² nhóm thu nhập thấp lên nhóm thu nhập cao là 4.883 m².

Như vậy, nguồn vốn con người (*học vấn*) và vốn tự nhiên (*đất sản xuất*) rất quan trọng đối với các hộ dân ở huyện Vĩnh Thạnh.

Bảng 11 cho thấy sự đa dạng hóa các nguồn thu nhập cũng tăng dần theo thời gian. Tuy nhiên, ở nhóm bị thu hồi đất vẫn còn đến hơn 60% hộ gia đình chỉ có 1 nguồn thu duy nhất. Điều này làm cho sinh kế hộ gia đình rất dễ tổn thương nếu bối cảnh sinh kế của họ có những thay đổi bất lợi.

Bảng 11: Sự đa dạng hóa nguồn thu nhập của các hộ gia đình

	Nhóm đối chứng				Nhóm bị thu hồi đất			
	2011		2013		2011		2013	
	Số lượng	(%)	Số lượng	(%)	Số lượng	(%)	Số lượng	(%)
Thu nhập từ 1 nguồn	24	45,3	19	35,8	40	67,8	38	64,4
Thu nhập từ 2 nguồn	26	49,1	31	58,5	13	22,0	16	27,1
Thu nhập từ 3 nguồn	3	5,7	3	5,7	6	10,2	5	8,5
Tổng	53	100,0	53	100,0	59	100,0	59	100,0

Nguồn: Số liệu điều tra 2013

3.1 Tác động của việc thu hồi đất sau hai năm

Bảng 12 cho biết kết quả ước lượng hồi qui

tuyến tính của các nhân tố ảnh hưởng đến logarit thu nhập và chi tiêu bình quân của hộ gia đình theo phương pháp DD.

Bảng 12: Tác động của việc thu hồi đất đến thu nhập và chi tiêu sau hai năm

Biến độc lập	Thu nhập		Chi tiêu	
	B	Sig	B	Sig
Hằng số	7,107	0,000	6,959	0,000
Hộ bị thu hồi đất	0,189	0,021	0,150	0,029
Năm khảo sát (2013=1)	0,017	0,828	-0,067	0,319
Biến tương tác	-0,125	0,250	-0,058	0,529
Quy mô hộ	-0,099	0,000	-0,087	0,000
Tuổi chủ hộ	-0,001	0,553	0,001	0,742
Giới tính chủ hộ	-0,002	0,977	0,030	0,646
Học vấn chủ hộ	0,021	0,003	0,016	0,007
Tổng diện tích đất (1.000 m ²)	0,026	0,000	0,014	0,000
Tài sản	0,001	0,000	0,001	0,000
Vốn tài chính (tiền mặt và vàng)	0,001	0,045	0,000	0,237
Vay tín dụng chính thức	0,001	0,487	0,000	0,737
Vay nóng	-0,005	0,028	-0,003	0,130
Tỉ lệ phụ thuộc	-0,005	0,000	-0,005	0,000
Đa dạng hoá thu nhập (SID)	0,420	0,001	0,195	0,059

Ghi chú: R² điều chỉnh mô hình thu nhập = 0,48; R² điều chỉnh mô hình chi tiêu = 0,40

Nguồn: Số liệu điều tra 2013

Các biến: hộ bị thu hồi đất, quy mô hộ, học vấn chủ hộ, diện tích đất sản xuất, vốn chặt chắt (*tài sản*), vốn tài chính (*tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và vàng*) làm nghề sản xuất - kinh doanh và tỷ lệ phụ thuộc có ý nghĩa thống kê đến thu nhập và chi tiêu. Biến vay nóng (*vay vốn phi chính thức*) có tác động âm và chỉ có ý nghĩa thống kê đến thu nhập.

Nếu chỉ nhìn vào biến hộ bị thu hồi đất thì ta có thể kết luận rằng, sau hai năm thu nhập của hộ bị thu hồi đất cao hơn 18,9% và chi tiêu cao hơn 15% so với hộ không bị thu hồi đất. Tuy nhiên, kết quả hồi qui cho thấy biến tương tác không có ý nghĩa thống kê, có nghĩa là việc thu hồi đất không có tác động đến thu nhập và chi tiêu của người dân trong

vùng dự án. Như vậy, nghiên cứu này đã có minh chứng định lượng là việc Nhà nước thu hồi đất không có ảnh hưởng đến thu nhập của người dân. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu ở huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội (Tran, 2012).

Điều này có thể lý giải bằng các nguyên nhân sau đây. Thứ nhất, nhóm hộ bị thu hồi đất là hộ không có hoặc có ít đất sản xuất, nên thu nhập từ hoạt động nông nghiệp không phải là nguồn thu nhập chính. Thứ hai, gần 50% số hộ sống chủ yếu bằng nghề làm thuê, do đó, việc thu hồi đất cũng không ảnh hưởng nhiều đến nguồn thu của họ vì tư liệu sản xuất chính là sức lao động, không phải đất đai. Mặt khác khi thu hồi đất, Nhà nước đã đầu tư để xây dựng khu dân cư, một số người làm thuê có thêm việc làm là phụ hồ, thợ hồ. Thứ ba, Nhà nước có trợ cấp tiền thuê nhà 500.000 tháng/hộ dân trong thời gian chờ mua nên tái định cư nên đó cũng chính là nguồn thu ổn định của hộ gia đình.

4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ thêm các nghiên cứu có liên quan đến tác động của việc thu hồi đất nông nghiệp đến thu nhập của người dân. Kết quả cho thấy việc Nhà nước thu hồi đất ở khu vực nông thôn, trường hợp dự án khu dân cư vượt lũ Thạnh Mỹ, huyện Vĩnh Thạnh không ảnh hưởng đến thu nhập của người dân bị thu hồi đất, thu nhập bình quân của nhóm hộ bị thu hồi đất thay đổi cùng với xu thế chung, tương tự như nhóm hộ không bị thu hồi. Nguyên nhân chính là dự án thu hồi đất với quy mô nhỏ, không gây ra tác động bất lợi cho người bị thu hồi đất đối với hộ sản xuất nông nghiệp. Đối với hộ không sản xuất nông nghiệp thì có thể họ bị mất môi làm ăn do di chuyển chỗ ở, xét ở góc độ hộ gia đình, có thể có nhiều hộ bị mất việc làm nhưng các hộ khác có thể có việc làm nhiều hơn nên tổng thể nguồn thu nhập hoặc chi tiêu không thay đổi.

Từ các kết quả trên, có thể rút ra một vài hàm ý chính sách như: 1) Nên thu hồi đất với quy mô nhỏ, hoặc với quy mô nhỏ nhất có thể nhằm hạn chế việc gây ra xáo trộn đời sống sinh kế dân cư; và tiết kiệm ngân sách; 2) Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn không có đất hoặc có ít đất nông nghiệp khá cao, và sinh kế dựa vào việc làm thuê nông nghiệp, đời sống bấp bênh. Vì vậy, nên chú trọng mở rộng các cơ hội đầu tư nhất là trong ngành chế biến nông sản và thương mại, dịch vụ để tạo thêm việc làm nông thôn và ổn định đời sống của họ khi thu hồi đất.

Nghiên cứu cũng có những hạn chế nhất định khi chưa phân tích được tác động của việc thu hồi đất đến từng nhóm hộ gia đình khác nhau, đặc biệt là nhóm nghèo, dễ bị tổn thương và khó thích ứng với sự thay đổi. Vì vậy, cần có những nghiên cứu sâu hơn về tác động đến các nhóm hộ gia đình khác biệt

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abdulai, A. and CroleRees, A., 2001. Determinants of income diversification amongst rural households in Southern Mali. *Food Policy*, [online] 26(4), pp.437–452. Available at: <<http://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0306919201000136>> [Accessed 22 Sep. 2015].
- Asian Development Bank, 2007. *Agricultural Land Conversion for Industrial and Commercial Use Competing Interests of the Poor*. In: *Market and Development Bulletin*. [online] Ha Noi: Asian Development Bank, pp.85–93. Available at: <http://www.markets4poor.org/m4p2/filedownload/MDB_book_eng.pdf>.
- Carney, D., 2002. *Sustainable Livelihoods Approaches : Progress and Possibilities for Change*. Toronto: Finesse Print.
- Carney, D., Drinkwater, M., Rusinow, T., Neefjes, K., Wanmali, S. and Singh, N., 1999. *LIVELIHOODS APPROACHES COMPARED*. London: DFID.
- Chamber, R. and R.Conway, G., 1991. *Sustainable rural livelihoods: practical concepts for the 21st century*.
- Cục thống kê TP.Cần Thơ, 2013. *Niên giám thống kê thành phố Cần Thơ 2013*. Cần Thơ.
- DFID, 1999. *Sustainable Livelihoods Guidance Sheets: Framework*. [online] Department for International Development, UK. Available at: <<http://www.enonline.net/pool/files/ife/section2.pdf>>.
- Ellis, F., 1999. *Rural Livelihood Diversity In Developing Countries : Evidence And Policy Implications*. The Overseas Development Institute RURAL (ODI). *Natural Resource perspectives*, (40).
- Hanstad, T., Nielsen, R. and Brown, J., 2004. *Land and livelihoods: Making land rights real for India’ s rural poor*. LSP Working Paper 12. Food and Agriculture Organization Livelihood Support Program. Rome.

- Ijaiya, M.A., Bello, R.A., Ijaiya, M.A. and Ajayi, M.A., 2009. Income diversification and household wellbeing in Ilorin metropolis, Nigeria. *International Journal of Business Management, Economics and Information Technology*, 1, pp.1-12.
- Khandker, S.R., Koolwal, G.B. and Samad, H.A., 2010. *Handbook on Impact Evaluation*. Washington DC.
- Lê Khương Ninh, 2014. Thực trạng nông hộ ở đồng bằng sông Cửu Long sau 7 năm thực hiện chính sách Tam nông (2006-2013). *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, 438, pp.62-70.
- Mai Văn Nam, 2008. Phát triển đa dạng ngành nghề: tăng thu nhập và ổn định đời sống nông dân. *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, 360, pp.67-73.
- Minot, N., Epprecht, M., Anh, T.T.T. and Trung, L.Q., 2006. *Income Diversification and Poverty in the Northern Uplands of Vietnam*. Washington DC: International Food Policy Research Institute.
- Ngân hàng thế giới, 2011. Nhận diện và giảm thiểu các rủi ro dẫn đến tham nhũng trong quản lý đất đai ở Việt Nam. [online] Hà Nội: Nhà xuất bản chính trị quốc gia - sự thật. Available at: <<http://documents.worldbank.org/curated/en/2011/01/13686356/recognizing-reducing-corruption-risks-land-management-vietnam>>.
- Nguyễn Hoàng Bảo and Nguyễn Minh Tuấn, 2013. Giải thích sự thay đổi thu nhập của người dân bị thu hồi đất ở khu công nghiệp Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. *Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh*.
- Nguyen, T.D., Vu, D.T. and Philippe, L., 2011. Peasant responses to agricultural land conversion and mechanism of rural social differentiation in Hung Yen province, Northern Vietnam. In: Paper present for the 7th ASAE International Conference: Meeting the Challenges Facing Asian Agriculture and Agricultural Economics toward a Sustainable. [online] Ha Noi. Available at: <<http://orbi.ulg.ac.be/handle/2268/100467>>.
- Nguyen, V.S., 2009. Industrialization and Urbanization in Vietnam: How Appropriation of Agricultural Land Use Rights Transformed Farmers' Livelihoods in a Peri-Urban Hanoi Village? In: Final Report of an EADN Individual Research Grant Project. Ha Noi: (EADN WORKING PAPER No. 38). Final Report of an EADN Individual Research Grant Project.
- Phòng Thống kê huyện Vĩnh Thạnh, 2013. Niên giám thống kê huyện Vĩnh Thạnh 2011. Cần Thơ.
- Tran Quang Tuyen and Lim, S., 2011. Farmland acquisition and livelihood choices of households in Hanoi's peri-urban areas. 46(1), pp.19-48.
- Tran, T., Lim, S. and Cameron, M.P., 2013. Farmland loss and livelihood outcomes: A microeconomic analysis of household surveys in Vietnam. Munich Personal RePEc Archive, [online] (MPRA Paper No. 48795). Available at: <<https://mpra.ub.uni-muenchen.de/48795/>>.
- Tran, T.Q., 2012. The impact of farmland loss on income distribution of households in Hanoi's peri-urban areas, Vietnam. Munich Personal RePEc Archive, [online] (MPRA Paper NO. 55817). Available at: <<http://mpra.ub.uni-muenchen.de/55817/>>.
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Cần Thơ, 2013. Báo cáo số 46/BC-TTPTQĐ ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Cần Thơ về Tổng kết công tác năm 2012 và kế hoạch năm 2013. Cần Thơ.
- Tuyen, T.Q., 2014. A Review on the Link Between Nonfarm Employment, Land and Rural Livelihoods in Developing Countries and Vietnam. *Ekonomski Horizonti*, [online] 16(2), pp.113-123. Available at: <<http://db1.vista.gov.vn:2114/pqcentral/docview/1563997698/9ED81B809EA644F0PQ/2?accountid=47774>>.
- World Bank, 2013. Báo cáo đánh giá nghèo Việt Nam 2012: Khởi đầu tốt nhưng chưa phải đã hoàn thành - thành tựu ấn tượng của Việt Nam trong giảm nghèo và những thách thức mới. [online] Washington DC. Available at: <<http://documents.worldbank.org/curated/en/2013/08/18123785/2012-vietnam-poverty-assessment-well-begun-not-yet-done-vietnams-remarkable-progress-poverty-reduction-emerging-challenges-bao-cao-danh-gia-ngheo-viet-nam-2012-khoi-dau-tot-nhung-chua-phai-da-hoan>>.